

Hưng Yên, ngày 10 tháng 07 năm 2026

BẢNG TÓM LƯỢC GIẢNG VIÊN CƠ HỮU PHỤC VỤ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG

Số TT	Họ và tên, Ngày sinh	Chức danh khoa học, trình độ	Chuyên môn được đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng			Mã số bảo hiểm	Số công trình khoa học đã công bố	
				Tuyển dụng	Hợp đồng			Trong nước	Nước ngoài
					Cơ hữu	Đồng cơ hữu			
1	Ngô Thị Thủy 19/08/1984	TS	Quản lý điều dưỡng	x		Số 202/2025/HĐLĐ-ĐHI	0206086613	7	8
2	Trần Thanh Tú 04/5/1968	PGS, TS	Nhi - Nội tiết và chuyển hoá	x		Số 105/2025/HĐLĐ-CVA	0199006172	16	1
3	Cao Thị Thu Hương 17/03/1965	PGS, TS	Y học (Dinh dưỡng tiết chế)	x		Số 133/2025/HĐLĐ-CVA	0100001397	71	

4	Nguyễn Thị Vân Anh 03/08/1965	TS	Y học (Dịch tễ học)	x		Số 65/2025/HĐLĐ- CVA	0198071876	7	
5	Nguyễn Tiến Dũng 26/12/1962	TS	Y học (Dịch tễ học)	x		Số 91/2025/HĐLĐ - CVA	1896005815	7	
6	Nguyễn Kim Kế 08/10/1961	TS	Y học (Vệ sinh xã hội học và tổ chức y tế)	x		Số 132/2025/HĐLĐ- CVA	8798000203	4	
7	Ninh Thị Nhung 22/5/1964	PGS, TS	Y học (Dinh dưỡng)	x		Số 104/2026/HĐLĐ- ĐHI	036164008728	51	3
8	Nguyễn Văn Hòa 16/03/1955	TS	Y học (Vi sinh y học)	x		Số 116/2025/HĐLĐ- CVA	0411001507	7	
9	Phan Duy Tập 10/01/1950	TS	Y học (Nội khoa chung)	x		Số 75/2025/HĐLĐ- CVA	0103010624	4	
10	Bùi Văn Thiện 21/11/1954	TS	Vật lý	x		Số 102/2025/HĐLĐ- CVA	81980009549	2	9

11	Khánh Thị Nhi 21/04/1965	TS	Dược học	x		Số 52/2026/HĐLĐ- ĐHI	2296004511		
12	Nguyễn Hồng Hiền 25/05/1963	TS	Y học ngoại lồng ngực	x		Số 130/2025/HĐLĐ- ĐHI	2297045973	10	
13	Trần Trọng Kiêm 20/05/1958	PGS, TS	Y học (Phẫu thuật lồng ngực)	x		Số 74/2025/HĐLĐ- CVA	0123015529	13	1
14	Lê Đức Mẫn 18/10/1965	PGS, TS	Y học (Ngoại bóng)	x		Số 164/2025/HĐLĐ- ĐHI	27065002042	4	
15	Trần Đình Hà 25/01/1959	PGS, TS	Y học (Hạt nhân, ung bướu)	x		Số 131/2025/HĐLĐ- CVA	0199037021	70	
16	Đồng Khắc Hưng 01/11/1957	GS, TS	Y học (Nội hô hấp)	x		Số 115/2025/HĐLĐ- CVA	6698501093	2	2
17	Phạm Quang Tuệ 03/07/1959	TS	Y học (Nhi khoa)	x		Số 68/2025/HĐLĐ- CVA	0198049161	4	
18	Nguyễn Ngọc Quỳnh 09/07/1975	TS	Y học (Dịch tễ học)	x		Số 66/2025/HĐLĐ- CVA	0111073361	17	1

19	Nguyễn Bích Ngọc 05/01/1966	TS	Y học (Vệ sinh xã hội học và Tổ chức y tế)	x		Số 72/2025/HĐLĐ- CVA	0103034717	10	1
20	Nguyễn Thị Minh 16/04/1964	TS	Y học (Vệ sinh xã hội học và Tổ chức y tế)	x		Số 73/2025/HĐLĐ- CVA	0101040452	6	
21	Lê Minh Chính 23/10/1954	TS	Y học (Sân phụ khoa)	x		Số 71/2025/HĐLĐ- CVA	8198006461	5	
22	Nguyễn Kiến Dự 04/09/1975	TS	Y học (Nội tiêu hóa)	x		Số 41B/2025/HĐLĐ - CVA	8307019838	2	
23	Đỗ Anh Giang 24/12/1975	TS	Y học (Nội tiêu hóa)	x		Số 76/2025/HĐLĐ- CVA	0103016351	3	
24	Nguyễn Minh Hiếu 09/07/1960	PGS, TS	Y học (Nội chung)	x		Số 64/2025/HĐLĐ- CVA	6698501267	11	
25	Đặng Văn Khoa 17/02/1960	TS	Y học (Nội khoa, Lao và Bệnh phổi)	x		Số 70/2025/HĐLĐ - CVA	8397004146	38	4

34	Nguyễn Thị Kim Yến 06/01/1960	ThS	Dược học	x		Số 112/2025/HĐLĐ- ĐHI	128545732		
35	Nguyễn Thanh Tâm 20/10/1990	ThS	Dược học	x		Số 113/2025/HĐLĐ- ĐHI	0116130194		
36	Mai Thị Huế 23/02/1991	ThS	Dược lý tiền lâm sàng và lâm sàng	x		Số 114/2025/HĐLĐ- ĐHI	2216060163	1	
37	Trần Quý Dương 20/09/1986	ThS	Y học (Ngoại khoa)	x		Số 92/2025/HĐLĐ- ĐHI	0411001507		
38	Đoàn Dư Mạnh 13/07/1988	ThS	Y học (Ngoại lồng ngực)	x		Số 93/2025/HĐLĐ- ĐHI	2212001730		
39	Lê Hồng Anh 05/12/1986	ThS	Y học (Ngoại chung)	x		Số 96/2025/HĐLĐ- ĐHI	0126412649		
40	Hà Văn Hồng 20/05/1992	ThS	Y học (Ngoại chung)	x		Số 97/2025/HĐLĐ- ĐHI	4025502650		
41	Nguyễn Xuân Tuyên 21/12/1994	ThS	Y học (Ngoại chung)	x		Số 98/2025/HĐLĐ- ĐHI	3822590082		

42	Đỗ Thị Lành 13/10/1987	ThS	Y học (Nội tim mạch)	x		Số 81/2025/HĐLĐ- ĐHI	0112105173	1	
43	Nguyễn Thị Hồng Ngọc 09/04/1988	ThS	Y học (Nội tim mạch)	x		Số 83/2025/HĐLĐ- ĐHI	112182097		
44	Đào Thị Nguyên Lê 28/12/1996	ThS	Y học (Ung thư)	x		Số 87/2025/HĐLĐ- ĐHI	3621000507		
45	Lê Vũ Hải Duy 09/11/1993	ThS	Y học (Mô phổi)	x		Số 99/2025/HĐLĐ- ĐHI	0121429295	3	
46	Phí Thùy Linh 06/10/1986	ThS	Y học (Nhân khoa)	x		Số 103/2025/HĐLĐ- ĐHI	0112125788		
47	Đỗ Thái Sơn 24/10/1984	ThS	Y học (Tai mũi họng)	x		Số 104/2025/HĐLĐ- ĐHI	0113158816		
48	Lưu Thu Thảo 19/02/1994	ThS	Y học (Răng hàm mặt)	x		Số 106/2025/HĐLĐ- ĐHI	3620163119	1	
49	Nguyễn Đình Nam 05/08/1994	ThS	Y học (Nội khoa - tâm thần)	x		Số 107/2025/HĐLĐ- ĐHI	0121887107	1	

50	Trần Lâm Vũ 03/09/1997	ThS	Y học (Nội khoa - tâm thần)	x		Số 78/2025/HĐLĐ- ĐHI	3521221079	1	
51	Trần Thị Thu Phương 27/02/1994	ThS	Y học (Y học cổ truyền)	x		Số 111/2025/HĐLĐ- ĐHI	3720058557	1	
52	Nguyễn Huy Hoàng 29/10/1992	ThS	Y học (Tai Mũi Họng)	x		Số 120/2025/HĐLĐ- ĐHI	3120132121	2	
53	Trần Văn Giang 08/11/1994	ThS	Y học (Chẩn đoán hình ảnh)	x		Số 122/2025/HĐLĐ- ĐHI	0130085216	3	1
54	Đỗ Thị Hải Yến 22/03/1995	ThS	Y học (Y học cổ truyền)	x		Số 123/2025/HĐLĐ- ĐHI	2620934103	1	
55	Nghiêm Thị Hồng Thanh 11/02/1961	ThS	Y học (Sản phụ khoa)	x		Số 125/2025/HĐLĐ- ĐHI	0120900681	11	
56	Phạm Thị Thanh Vân 09/08/1958	ThS	Y học (Sân khoa)	x		Số 126/2025/HĐLĐ- ĐHI	0128467622	4	
57	Trần Thị Liên 28/04/1963	ThS	Y học (Huyết học, Truyền máu)	x		Số 127/2025/HĐLĐ- ĐHI	2297048839	3	

58	Nguyễn Thị Thanh Thủy 03/02/1966	ThS	Y khoa (Nội tiêu hoá)	x		Số 128/2025/HĐLĐ- ĐHI	6606600290		
59	Mai Đình Cửu 15/03/1963	ThS	Y học (Truyền nhiễm)	x		Số 129/2025/HĐLĐ- ĐHI	4297004704		
60	Phạm Thùy Dương 10/08/1994	ThS	Khoa học y sinh	x		Số 20/2026/HĐLĐ- ĐHI	4026152107	2	
61	Đặng Thị Phương 20/05/1993	ThS	Y khoa (Nhi khoa)	x		Số 21A/2026/HĐLĐ- ĐHI	3622714045	1	
62	Nguyễn Quốc Tuấn 31/01/1967	TS	Y khoa (Gây mê hồi sức)	x		Số 81A/2026/HĐLĐ- ĐHI	1067014905		
63	Lê Thị Thu Hiền 2/10/1973	PGS, TS	Y học (Sinh học- Vi sinh vật học)	x		Số 105/2026/HĐLĐ- ĐHI	101011488	14	21
64	Nguyễn Thị Hương 27/08/1993	ThS	Điều dưỡng	x		Số 117/2025/HĐLĐ- ĐHI	0122607158	2	
65	Nguyễn Thị Nga 20/11/1992	ThS	Điều dưỡng	x		Số 154/2025/HĐLĐ- ĐHI	037192001348	4	

66	Phạm Thị Thơm 18/09/1983	ThS	Điều dưỡng	x		Số 155/2025/HĐLĐ- ĐHI	0114024399	1	
67	Nguyễn Đình Khải 25/01/1979	ThS	Điều dưỡng/Y tế công cộng	x		Số 233A/QĐ-ĐHI	034186000064	9	
68	Ngô Thùy Linh 13/3/1993	ThS	Điều Dưỡng	x		Số 160/2025/HĐLĐ- ĐHI	0115153986		
69	Nguyễn Thị Hoa 14/09/1980	TS	Triết học	x		Số 11D/2025/HĐLĐ- CVA	30180014469		
70	Ngô Huy Tiếp 23/03/1954	PGS, TS	Sử học	x		Số 22D/2025/HĐLĐ- CVA	0104025011		
71	Ngô Hoàng Huy 19/5/1969	TS	Toán học	x		Số 42/2025/HĐLĐ- CVA	0198105065	3	12
72	Phạm Thị Mỹ 15/10/1986	ThS	Kinh tế chính trị	x		Số 07/2021/HĐLĐ- CVA	8030604130		
73	Nguyễn Công Tuấn 05/12/1971	ThS	Công nghệ thông tin	x		Số 43/2025/HĐLĐ- CVA	0199023414		

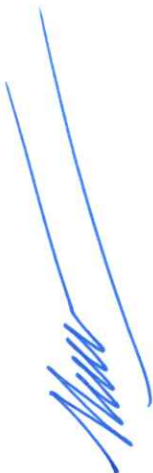
74	Hà Hữu Huy 27/7/1952	TS	Điện tử - Công nghệ thông tin	x		Số 48A/2025/HĐLĐ- CVA	0128472299		
75	Nguyễn Thị Nhung 23/11/1996	ThS	Luật Kinh tế	x		Số 15/2023/HĐLĐ- CVA	3320226621		
76	Dương Thị Hiền 20/7/1968	TS	Ngôn ngữ học	x		Số 15/2026/HĐLĐ- DHI	100010001	6	
77	Đào Thị Phương 09/2/1978	ThS	Ngôn Ngữ Anh	x		Số 23/2024/HĐLĐ- CVA	8903000878		
78	Lê Thị Phương Lan 04/3/1989	ThS	Ngôn Ngữ Anh	x		Số 29/2025/HĐLĐ- CVA	111195174		
79	Trần Phương Đạt 19/2/1955	GS, TS	Luật Kinh tế	x		Số 22/2024/HĐLĐ- CVA	25055000152	54	
80	Nguyễn Công Giang 21/05/1996	ThS	Luật Kinh tế	x		Số 29/2023/HĐLĐ- CVA	4023855436		
81	Phạm Thị Tuyết Hương 02/09/1961	TS	Ngôn ngữ học	x		Số 39C/2025/HĐLĐ- CVA	0198199080	15	

82	Phạm Văn Tiến 28/10/1967	PGS, TS	Luật	x	Số 157/2025/HĐLĐ- ĐHI	0196291824	60	
83	Phạm Thanh Nam 09/11/1993	ThS	Quản trị Kinh Doanh	x	Số 18/2026/HĐLĐ- ĐHI	0198898768		1

Tổng số:

Giảng viên cơ hữu: 83 người
 Giáo sư: 04 người
 Phó giáo sư: 12 người
 Tiến sĩ: 25 người
 Thạc sĩ: 42 người

**PHÒNG TỔ CHỨC PHÁP CHẾ
 TRƯỞNG PHÒNG**



Phạm Ngọc Trụ

HIỆU TRƯỞNG




TS. Trần Ái Cẩm